

VAI TRÒ CỦA VỐN VĂN HOÁ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở THÀNH PHỐ HUẾ

Phan Thị Hồng Phúc^{1*}, Nguyễn Hữu An²

¹ Trung tâm Nghiên cứu và phát triển xã hội (CSRĐ), Thành phố Huế

² Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Email: hongphucphan30@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/11/2024; ngày hoàn thành phản biện: 24/11/2024; ngày duyệt đăng: 12/12/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu này áp dụng lý thuyết vốn văn hóa và mô hình phát triển cộng đồng bền vững nhằm đưa ra phân tích về vai trò của vốn văn hoá trong phát triển bền vững các làng nghề truyền thống ở thành phố Huế. Sử dụng dữ liệu định tính và định lượng cho phân tích thực nghiệm, kết quả cho thấy vốn văn hoá đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cộng đồng bền vững tại các làng nghề truyền thống dưới nhiều hình thức. Với trạng thái thiết chế, vốn văn hoá đảm bảo vấn đề phát triển nền kinh tế địa phương, tạo nguồn sinh kế và tự chủ tại cộng đồng. Ở trạng thái khách quan, vốn văn hoá giải quyết vấn đề về sinh thái bền vững, giảm thiểu tất cả các hình thức tiêu thụ và chất thải với môi trường. Cuối cùng với trạng thái thể hiện, vốn văn hoá hỗ trợ cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục và xây dựng đội ngũ sáng tạo mới cho làng nghề địa phương.

Từ khóa: Làng nghề truyền thống, phát triển bền vững, phát triển cộng đồng, vốn văn hoá.

1. MỞ ĐẦU

Văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững, bao gồm các giá trị vật chất và tinh thần được tích lũy, lưu truyền qua các thế hệ, phản ánh đời sống văn hóa của con người dưới cả hai khía cạnh vật chất và tinh thần [7]. Khái niệm "vốn văn hóa" ban đầu được Pierre Bourdieu áp dụng chủ yếu trong lĩnh vực giáo dục. Theo Bourdieu, vốn văn hóa bao gồm các kỹ năng, kiến thức, trình độ học vấn và lợi thế có được từ sự tiếp cận với các giá trị văn hóa của một xã hội. Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã bước đầu quan tâm đến vốn văn hóa và chỉ ra rằng việc khai thác, sử dụng hợp lý nguồn lực này có thể giúp các cộng đồng phát triển kinh tế đồng thời bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa riêng. Vốn văn hóa, dưới nhiều trạng thái khác nhau, không

chỉ là một yếu tố cấu thành bản sắc cộng đồng mà còn giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, việc ứng dụng khái niệm này cùng với khung phân tích phù hợp vào nghiên cứu phát triển là một hướng tiếp cận cần được đặc biệt chú trọng [2]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nghiên cứu về vai trò của vốn văn hóa trong phát triển làng nghề truyền thống vẫn còn rất hạn chế. Hiện chưa có công trình nào vận dụng khái niệm này một cách có hệ thống và bài bản để phân tích sự phát triển của các làng nghề truyền thống. Đặc biệt, việc nghiên cứu ứng dụng vốn văn hóa trong phát triển làng nghề tại Việt Nam nói chung và tại thành phố Huế nói riêng vẫn chưa được đề cập một cách đầy đủ trong các công trình nghiên cứu trước đây.

Nhằm cung cấp thêm những hiểu biết liên quan đến mối quan hệ giữa vốn văn hoá và phát triển bền vững tại các làng nghề truyền thống ở thành phố Huế, nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của vốn văn hoá trong phát triển bền vững các làng nghề truyền thống ở thành phố Huế, cụ thể tại 3 khu vực làng nghề hoa giấy Thanh Tiên, làng nghề đan lát Bao La và làng nghề gốm Phước Tích. Nghiên cứu này áp dụng lý thuyết vốn văn hoá và mô hình phát triển cộng đồng bền vững trong việc xây dựng nền tảng quan điểm lý thuyết cho những phân tích thực nghiệm giữa các trạng thái vốn văn hoá với các vấn đề phát triển cộng đồng bền vững. Kết quả thực nghiệm của nghiên cứu đóng vai trò là cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các chính sách hay các mô hình phát triển làng nghề truyền thống tích cực và hiệu quả.

2. NỘI DUNG

2.1. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Lý thuyết vốn văn hoá trong nghiên cứu phát triển cộng đồng

Vốn văn hoá là một khái niệm quan trọng được Pierre Bourdieu khởi xướng năm 1973 trong tác phẩm *Cultural Reproduction and Social Reproduction*, ông cho rằng vốn văn hoá bao gồm các loại tri thức, kỹ năng, giáo dục và bất cứ lợi thế nào khiến cho vị thế xã hội của người sở hữu nó cao hơn. Theo quan điểm của P. Bourdieu, vốn văn hoá không chỉ ảnh hưởng đến địa vị xã hội mà còn thúc đẩy di động xã hội của cá nhân trong một xã hội phân tầng. Với Pierre Bourdieu, vốn văn hoá tồn tại dưới ba trạng thái biểu hiện khác nhau: (i) Trạng thái thể hiện (Embodied state), là các yếu tố văn hoá được thể hiện qua chủ thể của nó, tức là con người. Nói cách khác, vốn văn hoá ở trạng thái thể hiện chính là tiềm lực văn hoá của con người và năng lực vận dụng các yếu tố văn hoá của họ để tạo ra giá trị trong quá trình phát triển. (ii) Ở trạng thái khách quan (Objectified state), nó là hệ thống các yếu tố văn hoá ở dạng tồn tại hiện hữu khách quan ngoài con người, có thể là sản phẩm của cá nhân hay cộng đồng được hiện hữu và có thể sử dụng để trao đổi, luân chuyển nhằm tạo ra giá trị. (iii) Trạng thái thiết chế (institutionalized state), vốn văn hoá được hiểu là những yếu tố

văn hoá, tổ chức thành các khuôn mẫu, định hình cho sự tồn tại và hoạt động của các yếu tố văn hoá dựa trên những khuôn mẫu đó. Trạng thái thiết chế cũng là những nguyên tắc, quy định, chính sách liên quan đến quá trình phát triển và được những người tham gia lập ra và thừa nhận.

Ở nghiên cứu này, vốn văn hoá được vận dụng dựa trên quan điểm của Pierre Bourdieu. Nghiên cứu tập trung sử dụng ba trạng thái thể hiện, khách quan, thiết chế làm cơ sở lý thuyết cho việc xây dựng câu hỏi thu thập thông tin đo lường vốn văn hóa của các cộng đồng tại các làng nghề truyền thống ở thành phố Huế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Dữ liệu và biến số

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu định tính và định lượng từ đề tài “Vốn văn hoá trong phát triển làng nghề truyền thống (Nghiên cứu trường hợp tại các làng nghề ở thành phố Huế)” thực hiện trong năm 2024. Với dữ liệu định lượng, nghiên cứu thu thập thông tin thông qua việc thực hiện khảo sát với sự tham gia của 3 làng nghề truyền thống tại thành phố Huế, được lựa chọn bằng kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên. Các biến số được đo lường bởi các thang đo và các câu hỏi khác nhau nhằm thu thập thông tin cụ thể về các trạng thái của vốn văn hoá hình thành, tồn tại và phát triển tại các làng nghề.

Với dữ liệu định tính, nghiên cứu thu thập thông tin thông qua việc phỏng vấn bán cấu trúc với sự tham gia nghệ nhân, cán bộ địa phương của 3 làng nghề truyền thống tại thành phố Huế, được lựa chọn bằng kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện, vết đầu loang. Khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc sử dụng bảng hỏi, hướng dẫn phỏng vấn chứa các câu hỏi thu thập thông tin cho các biến số đo lường trạng thái biểu hiện của hình thức vốn văn hoá, sinh kế và các yếu tố nhân khẩu học của người trả lời. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp quan sát không tham dự nhằm có được cái nhìn tổng quan về cộng đồng các làng nghề và cách thức vận hành tại địa phương.

2.2.2. Phân tích dữ liệu

Nghiên cứu tập trung vào phân tích tường thuật các dữ liệu phỏng vấn nhằm tìm hiểu vai trò của từng hình thức đến việc phát triển cộng đồng bền vững. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phân tích phương sai một chiều (one-way ANOVA) để chỉ ra sự hình thành, tồn tại và phát triển của các trạng thái vốn văn hoá ở các làng nghề truyền thống và một số lợi ích mà nó mang lại khi đặt chung với các yếu tố phát triển bền vững cộng đồng.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Vốn văn hoá ở các trạng thái tại các làng nghề truyền thống

Ở trạng thái biểu hiện, vốn văn hoá thể hiện qua các yếu tố như kỹ năng, năng

lực, kinh nghiệm, tri thức của cá nhân hay các mối quan hệ của họ trong cộng đồng làng nghề. Theo phân tích dữ liệu cho thấy, hầu hết các làng nghề truyền thống đều có độ tuổi tham gia làng nghề dao động từ 32 đến 94 tuổi và tập trung nhiều nhất là từ 54 đến 60 tuổi, với thâm niên sản xuất từ 3 năm trở lên.

Kỹ năng làm các nghề truyền thống thường được truyền dạy trong gia đình, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phân công lao động trong gia đình thường được thực hiện theo giới và độ tuổi: Những người đàn ông khoẻ mạnh đảm trách hầu hết mọi công việc nặng nhọc. Phụ nữ thì tập trung ở các công việc cần sự khéo léo và buôn bán sản phẩm. Người già thì gắn liền với các công việc tỉ mỉ. Trẻ em học nghề bằng cách bắt chước các công việc đơn giản và dần dần học làm các công việc phức tạp hơn. Với những làng nghề được xây dựng theo mô hình hợp tác xã, cách tổ chức công việc cũng giống như phân chia trong gia đình, việc được chia nhỏ theo công đoạn và giao cho từng tổ, mỗi tổ làm việc theo chuyên môn của mình. Điều này giúp tăng năng suất và đảm bảo mỗi khâu đều đạt chất lượng và độ tinh xảo cao. Không những thế, tổ chức sản xuất theo dây chuyền cũng giúp dễ dàng phân loại tay nghề của lao động. Những người có kỹ năng cao và làm việc nhanh sẽ được xếp vào hạng cao hơn và được trả công tương xứng *“Với dạng dây chuyền thì cũng dễ phân loại tay nghề. Làm đều, nhanh thì sẽ được phân loại hạng 1, hạng 2, hạng 3,... rồi trả công cũng theo hạng”* (Nam, 70 tuổi, Đan lát Bao La).

Việc sản xuất thủ công có thể mang lại nhiều giá trị, khách hàng có thể tin tưởng vào sự tinh tế và ưa chuộng chất lượng của sản phẩm được làm bằng tay, đồng thời coi đó là biểu tượng của đẳng cấp và phong cách cá nhân. Một thợ hoa giấy cho biết: *“Ngoài thị trường có rất nhiều loại hoa rất đẹp, nhiều mẫu mã nhưng mà họ làm bằng máy móc hết, bằng nhựa, bằng vải,... màu sắc cũng sặc sỡ. Về bên làng nghề mình thì khách du lịch về họ thích mấy cái thủ công thôi, chơ làm máy móc là họ không thích”* (Nam, 76 tuổi, Hoa giấy Thanh Tiên). Với đặc thù các công việc thủ công, nhiều công đoạn đòi hỏi người thợ có kinh nghiệm lẫn sự cảm nhận tinh tế về nghệ thuật. Điều này có thể bao gồm khả năng phối hợp màu sắc, hình dạng và chi tiết để tạo ra các sản phẩm có giá trị thẩm mỹ cao. *“Xưa giờ anh chỉ mới đào tạo ra được 2 người thợ theo nghề. Vì ai muốn làm phải có sự chịu khó, phải có thêm một chút cái nhìn mỹ thuật nữa thì mới có thể theo nghề được. Bên cạnh đó thì phải có đam mê, phải thích thì mới làm được”* (Nam, 52 tuổi, Gốm Phước Tích). Các yếu tố quan trọng trong việc trở thành một người thợ giỏi trong ngành nghề thủ công, từ sự chịu khó, cái nhìn mỹ thuật, cho đến đam mê và sự yêu thích trong công việc. Với lối truyền nghề theo kiểu truyền khẩu và bắt tay chỉ việc phổ biến trong các làng nghề truyền thống, các nghệ nhân, thợ thủ công thực sự là kho tư liệu sống nắm giữ nhiều bí quyết nghề nghiệp. *“Ở đây có mấy bạn về trải nghiệm, chú hỏi thì cũng không biết chi về cái gọi là làng nghề truyền thống hết. Giáo dục cho mấy em thì hi vọng rằng không chỉ làng hoa giấy mà các làng nghề khác cũng được giữ gìn và phát triển. Chơ chú nghĩ khoảng 10, 20 năm nữa khi mà phát triển công nghệ cao rồi thì mấy làng nghề truyền*

thống không còn ai làm nữa cả” (Nam, 76 tuổi, Hoa giấy Thanh Tiên). Một trong những thực tế đang diễn ra ở các làng nghề truyền thống đều dễ nhận ra chính là niềm trăn trở của các nghệ nhân, thợ thủ công khi nhìn về tương lai của nghề nghiệp, những khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ, những trở ngại trong việc kiếm tìm truyền nhân trong bối cảnh hiện nay.

Theo số liệu khảo sát, có 91,25% người được khảo sát tại cả 3 làng nghề đều cho rằng nguồn nguyên liệu để tạo ra các phẩm truyền thống là “sẵn có” tại địa phương. *“Nguồn nguyên liệu thì không phải lo, chỉ cần mình mua một vùng gần khu vực làng là cũng đủ làm. Ở Huế thì cũng có nhiều vùng cung cấp nguyên liệu, giá thành cũng rẻ, ổn định, đa dạng. Chỉ có một số thì mua ở miền Bắc vận chuyển vào. Không lo thiếu nguyên liệu” (Nam, 70 tuổi, Đan lát Bao La). Nét mới trong thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề là đã dần vươn ra khỏi địa bàn, mở rộng ra cả nước và thậm chí là xuất khẩu. “Ở đây mình có đóng thùng hàng gửi đi các tỉnh khác như Hà Nội, Sài Gòn này kia nữa. Vì họ tổ chức sự kiện, trang trí này kia là họ đặt mình làm nhiều. Thường thì sau 30 tết mình không làm nữa những mấy năm ni là làm xuyên tết vẫn không kịp hàng.” (Nam, 76 tuổi, Hoa giấy Thanh Tiên). Việc duy trì và thậm chí mở rộng hoạt động kinh doanh qua các kỳ nghỉ lễ như Tết có thể đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một cơ sở khách hàng trung thành và mở rộng thị trường tiềm năng. Thông qua các kỳ Festival, sản phẩm làng nghề truyền thống được quảng bá, thu hút nhiều khách hàng và đối tác, nhất là các doanh nghiệp, khách sạn, nhà hàng, khách du lịch và từng bước xuất khẩu sang thị trường châu Âu, Trung Quốc, dù tỷ trọng chưa cao. Từ đó mở ra hướng mới cho các sản phẩm làng nghề không chỉ thuần chức năng tín ngưỡng mà còn là nghệ thuật trang trí, qua lưu niệm cho những ai quan tâm đến các sản phẩm này.*

Với trạng thái biểu hiện thiết chế, vốn văn hoá là quá trình tổ chức các yếu tố văn hoá thành các mô hình, xác định và điều chỉnh các hoạt động văn hoá dựa trên các mô hình đó. Nó cũng bao gồm các nguyên tắc và quy định liên quan đến quá trình phát triển, được các thành viên thừa nhận và thực hiện. Trạng thái thiết chế ảnh hưởng mạnh mẽ đến các trạng thái khác trong quá trình phát triển, bởi nó thể hiện sự công nhận của cả cá nhân và cộng đồng. Trước nguy cơ mai một, chính quyền địa phương và các sở ban ngành đã có chính sách khôi phục các ngành nghề và làng nghề thủ công truyền thống như chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh trên địa bàn (Quyết định số 1546/QĐ - UB ngày 12/6/2002 của UBND tỉnh), chính sách khuyến khích và hỗ trợ xuất khẩu trực tiếp hàng hoá và dịch vụ (Quyết định số 1584/QĐ - UB ngày 14/6/2002 của UBND tỉnh), chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các làng nghề, nghề trên địa bàn thành phố Huế (Quyết định số 53/QĐ - UB ngày 13/1/2003 của UBND tỉnh),... Đặc biệt là chương trình phát triển sản xuất hàng thủ công nghiệp từ năm 2002, trong đó tập trung phát triển hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm phục vụ du lịch và xuất khẩu. *“Chính sách hỗ trợ hồi trước đây thì cũng có vì mình đang khôi phục lại làng nghề, cơ sở vật chất thì mình phải tự xây dựng, máy móc này kia thì mình có*

thể xin quỹ tài trợ của nước ngoài. Chính sách thì lâu lâu có tạo điều kiện cho mình đi tham quan học hỏi” (Nam, 52 tuổi, Gốm Phước Tích).

Nhìn chung, công tác phát triển các làng nghề truyền thống đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện. *“Chương trình khuyến công hằng năm của tỉnh thành phố là hỗ trợ đào tạo nghề, giúp nghề truyền thống được bảo tồn, không bị thất truyền”*(Nam, 76 tuổi, Hoa giấy Thanh Tiên). Một số làng nghề truyền thống đã và đang có xu hướng chuyển sang mô hình sản xuất hợp tác, bắt đầu hình thành hệ thống doanh nghiệp thương mại làm nòng cốt, trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm, hàng hoá xuất khẩu, hoạt động dịch vụ du lịch làng nghề. Các sở ban ngành đã quan tâm xây dựng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, xúc tiến thương mại... để hỗ trợ các làng nghề truyền thống tiếp tục sản xuất. Đồng thời, các sở ban ngành cũng đã tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm làng nghề truyền thống để tiêu thụ sản phẩm trong nước và hướng tới xuất khẩu một số sản phẩm chủ lực như: *“Ở góc độ của xã thì vừa rồi chỉ có hỗ trợ vấn đề về đền bù đất đai, địa điểm của hợp tác xã, có hỗ trợ về khi có các chương trình về xúc tiến thương mại thì có hỗ trợ họ về việc hoàn thành những thủ tục để đi quảng bá sản phẩm, rồi một số cái như công nhận sản phẩm OCOP thì cũng hỗ trợ họ về một số thủ tục.”* (Nam, 46 tuổi, Ủy ban xã Quảng Phú). Tại thành phố Huế còn đặc biệt tổ chức các hoạt động Festival phát triển làng nghề, hội thảo quốc tế về phát triển các làng nghề truyền thống, Hội chợ quốc tế... để tạo động lực phát triển cho các làng nghề. *“Bất đâu có lễ hội ở Huế thì các làng nghề truyền thống có được sự quan tâm của các sở ban ngành ở cái mặt là quảng cáo thêm cho sản phẩm làng nghề. Ngoài ra có thêm một số chương trình khuyến công, mình được học tập, đào tạo hay dạy nghề lại cho một số em.”* (Nam, 76 tuổi, Hoa giấy Thanh Tiên).

Trong quá trình phát triển của một cộng đồng làng nghề, tất cả các trạng thái đều có tầm quan trọng riêng và phản ánh một phần của sự phát triển cộng đồng. Trong thời gian qua, mỗi trạng thái đã trải qua sự thay đổi và phát triển để phản ánh môi trường và nhu cầu kinh tế hiện tại. Tuy nhiên, ở các làng nghề, việc bảo tồn và phát triển vốn văn hóa truyền thống qua trạng thái thể hiện vẫn được chú ý và coi trọng đặc biệt.

2.3.2. Vai trò của vốn văn hoá trong việc phát triển bền vững các làng nghề truyền thống

Kinh tế là hoạt động sản xuất của cải vật chất, là toàn bộ phương thức sản xuất và trao đổi của một chế độ xã hội tạo nên kết cấu kinh tế của chế độ xã hội hay cơ sở hạ tầng kinh tế của xã hội. Văn hóa hay văn hóa trong kinh tế được xem là nội lực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Bảng 1 thể hiện sự khác biệt về hoàn cảnh kinh tế của các hộ gia đình có nguồn sinh kế đến từ nghề truyền thống giữa các làng nghề tham

gia khảo sát, thông qua phân tích nhân tố, tạo thang đo cho các mức độ kinh tế từ 1 đến 10 tương đương với mức độ kinh tế giá đình từ thấp đến cao của người dân tại 3 làng nghề.

Bảng 1: Sự khác biệt về hoàn cảnh kinh tế của các hộ gia đình có nguồn sinh kế đến từ nghề truyền thống tại các làng nghề được khảo sát

Hoàn cảnh kinh tế	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	F	Bonferroni
	Gốm Phước Tích		Hoa giấy Thanh Tiên		Đan lát Bao La			
	5,1	0,74	5,32	0,48	6,1	0,88	11,2* **	PT<BL; TT<BL; PT=TT

*** $p<0.001$, ** $p<0.01$, * $p<0.05$ (kiểm định hai chiều)

So sánh kết quả trung bình cho thấy, kinh tế của các hộ gia đình thuộc làng nghề đan lát Bao La lớn hơn nhiều so với kinh tế của các hộ gia đình thuộc các làng nghề còn lại ($6,1>5,32>5,1$). Với kiểm định ANOVA, chỉ số $F=11,2^{***}$ cho thấy sự khác biệt về hoàn cảnh kinh tế của các hộ gia đình có nguồn sinh kế đến từ nghề truyền thống có ý nghĩa cao về mặt thống kê và kết quả kiểm định hậu định (Bonferroni) cho thấy sinh kế của các hộ gia đình thuộc làng nghề đan lát Bao La cao hơn hai làng nghề còn lại, tuy nhiên giữa làng nghề hoa giấy Thanh Tiên và làng nghề gốm Phước Tích kết quả này không có sự khác biệt rõ ràng về hoàn cảnh kinh tế của các hộ dân ở đây. Điều này tương quan với vấn đề về trạng thái biểu hiện thiết chế tại cả 3 làng nghề truyền thống, cụ thể là sự khác biệt về hình thức sinh hoạt tại cộng đồng làng nghề.

Với làng nghề truyền thống đan lát Bao La, khi thành lập hợp tác với định hướng khôi phục phát triển làng nghề gắn với du lịch, thu hút ngày càng đông người lao động, sản phẩm làm ra ngày càng đa dạng, nhân lực tăng dần theo từng năm, chủ yếu phát triển theo hướng sản xuất hàng gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch và xuất khẩu. *"Làng nghề thì có từ lâu đời, trên 600 năm nhưng hợp tác xã thành lập từ 2007. Khi thì trong làng làm một hàng truyền thống như thúng, mủng,... thô thôi để phục vụ cho nông nghiệp, giai đoạn trước khi thành lập hợp tác xã thì do bị đồ nhựa cạnh tranh, giá cả rẻ, bà con bỏ nghề, nhà nước mới chủ trương thành lập hợp tác xã để khôi phục và gìn giữ lại làng nghề. Trước đó cũng có tổ chức hợp tác xã nông nghiệp kiêm làng nghề để khôi phục nhưng không thành công, tan rã. Đến 2007 thì thành lập hợp tác xã của làng nghề, 2 năm đầu thì cũng vất vả, khó khăn, loay hoay làm một sản phẩm nhưng giá cả rẻ, không đủ thu chi. Đến 2008, có tổ chức châu Âu về giúp đỡ cho các làng nghề, hiệp hội các nghề thủ công mỹ nghệ ở Huế, trong đó có làng nghề đan lát Bao La tham gia."* (Nam, 70 tuổi, Đan lát Bao La). Tại

hợp tác xã, các công việc được phân công tổ chức sản xuất theo dây chuyền, để các thành viên hỗ trợ nhau. Chính sự phân khúc và chuyên môn hoá đã giúp hoàn thiện kỹ thuật và chất lượng, mẫu mã của sản phẩm ngày càng tốt hơn, đủ sức sản xuất lượng lớn hàng hoá. *"Hợp tác xã là động lực để bảo tồn, phát triển làng nghề, tạo công ăn việc làm cho bà con trong làng. Làm ở đây thì sẽ có thu nhập cao hơn ở ngoài, đặc biệt là khi có hợp tác xã thu hút bà con làm ở đây thì hàng nội địa bên ngoài họ cũng có lợi"* (Nam, 73 tuổi, Đan lát Bao La). Ở một khía cạnh khác, tại làng nghề còn có một cơ cấu tổ chức khá chặt chẽ, tính phùng hội cao, có quy trình công nghệ cố định, sản phẩm đa dạng và có thị trường sớm, thậm chí là xuất khẩu nước ngoài. *"Khi chưa thành lập hợp tác xã thì họ làm theo hộ gia đình, chuyên làm những đồ thô, theo truyền thống, ai cũng làm như nhau nên cũng không biết ai giỏi hay như răng cả. Nhờ tập trung ở hợp tác xã thì mới bắt đầu phát hiện được năng khiếu của từng người và những cái sáng tạo trong mẫu mã hay là làm tay nghề ai giỏi thì mình sắp xếp để nâng cao năng suất hơn, tiết kiệm thời gian. Gia đình làm riêng lẻ thì sẽ khó. Nhiều khi tạo mẫu thì có trong tổ góp ý, tập thể thì hẳn hay hơn, phân công chuyên môn."* (Nam, 70 tuổi, Đan lát Bao La).

Tại làng nghề hoa giấy Thanh Tiên có sự xuất hiện của mô hình sản xuất hợp tác tuy nhiên còn nhỏ lẻ và manh mún, còn với làng nghề gốm Phước Tích, hầu hết các cơ sở tự sản xuất và thực hiện tất cả các công đoạn với vai trò cá nhân. Điều này cùng với các dữ liệu về sinh kế của người dân ở các làng nghề được tham gia khảo sát, cho thấy rằng, trạng thái biểu hiện thiết chế trong vốn văn hoá cụ thể qua hình thức xây dựng hợp tác xã đã giúp bà con ổn định được về kinh tế, tạo môi trường công việc bền vững, đáp ứng được yếu tố đa dạng hoá kinh tế và tự chủ trong mô hình phát triển cộng đồng bền vững. Không những thế, việc xây dựng hợp tác xã còn giúp các làng nghề hỗ trợ đa dạng hoá các hệ thống phân phối sản phẩm.

Với yếu tố sinh thái bền vững thông qua quản lý dựa vào cộng đồng và giảm thiểu tất cả các hình thức tiêu thụ và chất thải, trạng thái biểu hiện khách quan của vốn văn hoá, cho thấy nguyên vật liệu cho sản xuất tại các làng nghề truyền thống đều có thể chủ động tìm kiếm, dễ tiếp cận. Tại làng nghề truyền thống hoa giấy Thanh Tiên, giấy dùng làm hoa do người thợ tự nhuộm bằng những màu pha chế từ cây cỏ. *"Nguyên liệu thì có mấy cái như tre, sắn thì sắn có ở địa phương rồi, mình chỉ cần mua giấy ở ngoài chợ thôi"* (Nam, 76 tuổi, Hoa giấy Thanh Tiên). Họ đều có các vùng thu mua sắn, có lộ trình thu hoạch và làm việc rõ ràng, vì thế, việc tiếp cận đến các nguyên liệu tạo ra sản phẩm không gây quá nhiều khó khăn cho các làng nghề. Không chỉ các vật liệu thường có sẵn vùng nguyên liệu tại địa phương mà một số nguyên liệu còn được người dân tận dụng hết công dụng từ thân, lá, rễ, hoa,... và tất cả đều được sản xuất bằng thủ công với những nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, không chất thải.

Cuối cùng là yếu tố công bằng xã hội thông qua tiếp cận giáo dục công dân, cải thiện công tác tiếp cận giáo dục, thông tin và sự tham gia có ý nghĩa và hiệu quả và

tích hợp chiến lược kinh tế, xã hội và sinh thái. Kết hợp giữa trạng thái biểu hiện khách quan và trạng thái biểu hiện thể hiện của vốn văn hoá tại các làng nghề, *"Ở đây thì tự nguyện, ai ưng tham gia thì tham gia, đa số là nghề ni có từ lâu đời rồi, từ sau giải phóng, kinh tế khó, mấy chỗ khác không có việc chờ ở đây bà con làm nhiều, mặc dù thu nhập không nhiều lắm nhưng họ làm đều, hằng ngày sau việc ở đồng ruộng rảnh thì họ làm.... Cái ni là trong gia đình họ tự bày vẽ nhau, người lớn làm rồi người nhỏ, học sinh đi học về là cũng vẽ bắt chước làm một số cái đơn giản, sau đó khó lần khó lần, chập là được hết."* (Nam, 70 tuổi, Đan lát Bao La). Với ý kiến này, chúng ta thấy rằng, nó không chỉ mô tả chi tiết về tình hình lao động trong làng nghề mà còn nhấn mạnh sự bền vững và truyền thống văn hóa nghề nghiệp, cũng như sự thích nghi của người dân trong bối cảnh kinh tế khó khăn bên cạnh đó, kỹ năng nghề nghiệp được truyền dạy trong gia đình, từ người lớn đến trẻ em. Bên cạnh đó, trong thời đại ngày nay, có một yếu tố ngày càng trở nên quan trọng và có tính quyết định là nguồn lực con người. Tại các làng nghề, trên cơ sở những sản phẩm thủ công truyền thống, những người nghệ nhân, những người thợ đã có những sự sáng tạo, biến tấu mẫu mã đa dạng hơn. *"Mình dựa trên những hoạ tiết ông cha để lại rồi sáng tạo nên những cái sản phẩm mới cho nên mình mang cái đặc trưng của hoạ tiết nơi mình mà nơi khác không có."* (Nam, 73 tuổi, Đan lát Bao La). Việc kế thừa từ truyền thống là một phần quan trọng của việc sản xuất thủ công. Các hoạ tiết, mẫu mã, và kỹ thuật truyền thống thường được truyền đạt từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo ra sự liên tục và ổn định trong nghề, sản phẩm được tạo ra từ sự kết hợp giữa kế thừa truyền thống và sự sáng tạo cá nhân thường mang lại một đặc trưng riêng biệt. Điều này làm cho sản phẩm trở nên độc đáo và dễ nhận biết, tạo ra giá trị thương hiệu cho người làm và sản phẩm của họ. *"Ngày xưa anh cũng ra khỏi làng chợ cũng không làm nghề, nhưng mà do mình về mình thấy nghề nó rất là hay, rất là tự nhiên, nó đòi hỏi mình phải có những cái sáng tạo, tỉ mỉ. Mình đi những cái làng nghề gốm khác mình thấy họ phát triển tốt, mình là cái nôi gốm nổi tiếng từ ngày xưa thì vì sao mình lại bị mai một. Từ đó anh thấy yêu nghề mà bên cạnh đó kinh tế theo nghề nó cũng không quá khó, nó cũng thoải mái."* (Nam, 52 tuổi, Gốm Phước Tích).

Vốn văn hóa chứa đựng trong mình không chỉ tri thức và kinh nghiệm mà còn cả những định chế để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên. Phát triển từ vốn văn hóa đảm bảo sự bền vững vì nó không chỉ chú trọng vào khía cạnh kinh tế mà còn thể hiện mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên. Với vốn văn hóa, con người trở thành nhân tố chủ đạo trong quá trình sản xuất và sáng tạo ra những giá trị cho nhân loại. Xu hướng phát triển cộng đồng bền vững tại làng nghề truyền thống cho thấy rằng các làng nghề không chỉ đơn thuần là nơi sản xuất hàng hóa vì mục đích kinh tế mà còn trở thành những nét văn hóa đặc trưng của vùng đất nơi chúng được hình thành.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích vai trò của vốn văn hoá trong việc phát triển bền vững các làng nghề truyền thống ở thành phố Huế. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, vốn văn hoá có vai trò quan trọng trong việc phát triển bền vững các làng nghề truyền thống. Mỗi trạng thái biểu hiện của vốn văn hoá đều có vai trò xây dựng và phát triển các yếu tố thuộc mô hình phát triển cộng đồng bền vững. Với trạng thái thiết chế, vốn văn hoá đảm bảo được vấn đề phát triển nền kinh tế địa phương, tạo nguồn sinh kế bền vững và tự chủ tại cộng đồng. Với trạng thái khách quan, vốn văn hoá giải quyết được vấn đề về sinh thái bền vững, giảm thiểu tất cả các hình thức tiêu thụ và chất thải với môi trường. Cuối cùng với trạng thái thể hiện, vốn văn hoá hỗ trợ cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục và xây dựng đội ngũ sáng tạo mới cho làng nghề địa phương.

Kết quả nghiên cứu gợi mở những hướng nghiên cứu trong tương lai nhằm xây dựng mô hình và chính sách để ứng dụng vốn văn hoá vào việc phát triển bền vững các làng nghề truyền thống. Mỗi một trạng thái biểu hiện đều có thể khai thác sâu hơn về vai trò của nó đối với các yếu tố phát triển riêng biệt. vốn văn hóa không chỉ dừng lại ở việc duy trì những kỹ thuật thủ công truyền thống mà còn mở rộng ra các lĩnh vực khác như du lịch văn hóa, giáo dục và truyền thông văn hóa. Những làng nghề truyền thống khi khai thác và phát huy vốn văn hóa không chỉ tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao mà còn xây dựng được hình ảnh và thương hiệu riêng biệt, hấp dẫn du khách và nhà đầu tư. Việc này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của toàn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Giulia Balboni, Elisa Menardo, Roberto Cubelli, (2019), "Development and validation of the Scale of Cultural Capital", TPM, 26(1), 149-175
- [2]. Bùi Minh Hào, (2021). Vốn văn hoá và tiếp cận vốn văn hoá trong nghiên cứu phát triển. Từ điển học & Bách khoa thư, 1(69), tr. 135-140.
- [3]. Maser, C (1997). Sustainable Community Development: Principles and Concepts. Delray Beach, Florida, St Lucie Press.
- [4]. Meredith P. Hamstead and Michael S. Quinn (2005). Sustainable Community Development and Ecological Economics: Theoretical Convergence and Practical Implications. Local Environment. Vol. 10, No. 2, April 2005. Routledge
- [5]. Hà Hữu Nga (2020). Vốn văn hóa và phát triển du lịch. Tài liệu viết cho Viện Nghiên cứu ứng dụng Văn hóa và Du lịch.
- [6]. Pierre Bourdieu, (1986), "The forms of capital", Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education, Westport (CT: Greenwood), pp. 241-258.

- [7]. Pierre Mounier (2021), "Pierre Bourdieu - Một dẫn nhập", NXB Tri thức, Hà Nội.
- [8]. Shuman, M (1998). *Going Local: Creating Self-reliant Communities in a Global Age*. New York. Free Press.
- [9]. Seungyoon Lee, Jae Eun Chung, and Namkee Park , (2016), "Linking Cultural Capital With Subjective Well-Being and Social Support: The Role of Communication Networks", *Social Science Computer Review*, 34(2), 172-196

THE ROLE OF CULTURAL CAPITAL IN THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN HUE CITY

Phan Thi Hong Phuc^{1*}, Nguyen Huu An²

¹ Center for Social Research and Development (CSRĐ), Hue City

² Faculty of Sociology and Social Work, University of Sciences, Hue University

* Email: hongphucphan30@gmail.com

ABSTRACT

This study applies theories of cultural capital and sustainable community development to analyze the role of cultural capital in the sustainable development of traditional craft villages in Hue City. Employing both qualitative and quantitative data for empirical analysis, the results indicate that cultural capital plays a crucial role in fostering sustainable community development in traditional craft villages through various forms. In its institutional form, cultural capital supports local economic development by ensuring livelihoods and promoting community self-sufficiency. In its objective form, it contributes to ecological sustainability by minimizing all forms of consumption and waste that impact the environment. Finally, in its embodied form, cultural capital enhances the quality of human resources, supports education, and fosters a new generation of creative professionals within local craft villages.

Keywords: Traditional craft villages, sustainable development, community development, cultural capital.



Phan Thị Hồng Phúc sinh năm 2001 tại Thành phố Huế. Bà tốt nghiệp cử nhân Ngành Văn học, Khoa Ngữ văn, Trường ĐHKH, Đại học Huế năm 2023, tốt nghiệp cử nhân Ngành Xã hội học, Khoa XHH và CTXH, Trường ĐHKH, Đại học Huế năm 2024. Hiện nay, bà đang công tác tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển xã hội (CSRD) tại Thành phố Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: phát triển, phát triển bền vững, giáo dục và văn hoá.



Nguyễn Hữu An sinh năm 1988 tại Quảng Bình. Năm 2010, ông tốt nghiệp Cử nhân Xã hội học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Thạc sĩ Xã hội học tại Đại học Warsaw (Ba Lan) năm 2016. Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Xã hội học tại Đại học Warsaw năm 2023. Ông hiện đang công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vốn xã hội, di cư, sự tham gia công dân, xã hội học chính trị.